

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TP  
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 26-3-2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BT**

**Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bích Thị Kim Pháp

- Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Trần Thị Hà

+ Ông Phạm Hồng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện TP, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 536/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09B/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐ-HPT ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện TP, giữa các đương sự:

**1/ Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Kim Th**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn TT01, xã PP, huyện TP, tỉnh BT.

**2/ Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn TT01, xã PP, huyện TP, tỉnh BT.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn trình bày: Bà Võ Thị Kim Th và ông Nguyễn Văn C xác lập quan hệ vợ chồng năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc có đăng ký kết hôn tại UBND xã PP, huyện TP (theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 22; Quyền số: 01 ngày 18 tháng 4 năm 2003).

Cuộc sống chung của vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông C mỗi lần say rượu thì lại vô cớ đánh đập bà Th. Vì con bà Th đã bỏ qua cho ông C rất nhiều lần nhưng ông C vẫn tánh nào tật nấy. Mặc dù, đã cố gắng hàn gắn, khắc phục nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và ông bà đã sống ly thân 01 (một) năm nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy hôn nhân không hàn gắn lại được, bà không còn tình cảm với ông C, bà xin được ly hôn.

- Về con chung của vợ chồng: có 02 (hai) người con tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 21-10-2003; Giới tính: Nam (đã thành niên) và Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 02/10/2007; Giới tính: Nữ.

Hiện nay cháu Nhân đang sống chung với bà Th tại nhà, còn ông C thì đang sống tại rẫy. Bà Th xin nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông C cấp dưỡng con.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

**\* Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Văn C:**

Bị đơn ông Nguyễn Văn C khai tại biên bản ghi lời khai ngày 02/02/2024 tại nhà ông Nguyễn Văn C thuộc thôn TT01, xã PP, huyện TP.

Ông và bà Võ Thị Kim Th tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PP, huyện TP, tỉnh BT. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Th trình bày thì ông không đồng ý. Ông cho rằng, thời gian gần đây bà Th không lo cơm nước gì cho ông, bà Th sống tại nhà riêng của vợ chồng, còn ông thì sống trên rẫy, bà Th làm đơn ly hôn thì ông không có ý kiến gì.

Về con chung của vợ chồng: có 02 (hai) người con tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 21-10-2003; Giới tính: Nam (đã thành niên) và Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 02/10/2007; Giới tính: Nữ.

Tài sản và nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Xác định mối quan hệ pháp luật cần giải quyết, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Th.

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Kim Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tên Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 02/10/2007; Giới tính: Nữ đến khi thành niên. Bà Th không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Võ Thị Kim Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại UBND xã PP, huyện TP, tỉnh BT. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị Kim Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BT được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu ông Nguyễn Văn C đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng ông C không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của bà Võ Thị Kim Th, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà Võ Thị Kim Th và ông Nguyễn Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PP, huyện TP, tỉnh BT vào năm 2003. Vì vậy, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3.1] Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim Th và ông Nguyễn Văn C thực sự đã mâu thuẫn trong thời gian dài. Cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Hiện nay cuộc sống chung giữa bà Th và ông C

phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C đến giải quyết nhưng ông không chấp hành, điều này chứng tỏ ông C không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Th. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà Th và ông C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Theo lời trình bày của ông Võ Thành Long – Trưởng thôn TT01, xã PP tại biên bản xác minh ngày 02 tháng 02 năm 2024 nơi ông Nguyễn Văn C sinh sống phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Võ Thị Kim Th, ông Nguyễn Văn C không quan tâm đến nhau nữa, tình cảm không còn. Điều đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Kim Th đối với ông Nguyễn Văn C.

**[3.2]** Về con chung: Hiện cháu Nguyễn Thanh Nh đang sống cùng với bà Th, do một mình bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục từ lúc bà Th và ông C không còn sống chung cho đến nay.

Xét thấy, yêu cầu của bà Th là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ con chung hiện nay đang sống trực tiếp tại nhà cùng bà Th, bà Th là viên chức nhà nước nên thuận tiện hơn trong việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng ở với mẹ của cháu. Vì vậy, giao con chung Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 02/10/2007; Giới tính: Nữ cho bà Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con bà Th không có yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3.3]** Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4]** Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Võ Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**[5]** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**[1]** Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 19, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

## **[2] Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Võ Thị Kim Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Kim Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 02/10/2007; Giới tính: Nữ cho đến khi thành niên.

Ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Võ Thị Kim Th phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Võ Thị Kim Th đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0020169 do Chi cục thi hành án dân sự huyện TP cấp ngày 10 tháng 11 năm 2023, bà Võ Thị Kim Th đã nộp đủ án phí.

**[3]** Quyền kháng cáo của bà Võ Thị Kim Th là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26-3-2024), ông Nguyễn Văn C vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND tỉnh BT;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện TP;
  - TAND tỉnh BT;
  - Chi cục THADS huyện TP;
  - UBND xã PP
- (GCNKH số: 22; Quyển số: 01  
ngày 18 tháng 4 năm 2003);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**Bích Thị Kim Pháp**